

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
=== *&*===

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
----- *&-----

Bản án số: 237/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25/6/2024

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên Tòa: Bà Màu Thị Hải Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Lan; Ông Kiều Xuân Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ân - Thư ký TAND huyện Mê Linh- thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thuỳ Anh - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mê Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 228/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXX- ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn: Anh Phan Đình Đ**, sinh năm 1991 (có mặt)

HKTT: Khu Ph, phường Đ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

* **Bị đơn: Chị Trần Thị Ng**, sinh năm 1993 (có mặt).

HKTT: thôn Ph, xã T, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 03/6/2024 và bản tự khai anh Phan Đình Đ trình bày:

Anh Đ và chị Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12 năm 2019 và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật HN&GD 2014. Quá trình chung sống anh Đ và chị Ng nhận thấy không hoà hợp, không có tiếng nói chung nên cả hai đã chia tay nhau từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Vì vậy, anh Đ đề nghị Toà án nhân dân huyện Mê Linh giải quyết tuyên bố anh và chị Ng không phải là vợ chồng để mỗi người xây dựng hạnh phúc riêng.

- Bị đơn chị Trần Thị Ng trình bày: Chị và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12/2019, hai bên gia đình đã tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, chị Ng có đến UBND xã T để xin cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, mục đích để đăng ký kết hôn với anh Phan Đình Đ, sinh năm 1991. Địa chỉ: Đ, Từ Sơn, Bắc Ninh. Sau khi xin cấp giấy xác nhận thì chị Ng và anh Đ không tiến hành đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị Ng và anh Đ thấy tính tình không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung nên đã chia tay nhau từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay, không quay lại với nhau nữa. Việc anh Đ có đơn đề nghị Toà án không công nhận anh chị là vợ chồng chị Ng hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh Đ và chị Ng xác định không có, không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung, về công nợ, công sức: Anh Đ và chị Ng xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên Toà anh Phan Đình Đ vẫn giữ quan điểm đề nghị Toà án tuyên bố không công nhận anh và chị Ng là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, công sức, công nợ không có không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Ng nhất trí với quan điểm của anh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tại phiên toà. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phan Đình Đ về việc yêu cầu Toà án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Trần Thị Ng.

Áp dụng Điều 9,14,53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147,271,273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc thu nộp án phí.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tình cảm: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Phan Đình Đ và chị Trần Thị Ng.

Về con chung, tài sản chung, công sức, công nợ: không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm anh Đ phải chịu theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của anh Phan Đình Đ đối với chị Trần Thị Ng hiện đang sinh sống tại địa chỉ thôn Ph, xã T, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 03/6/2024, anh Phan Đình Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị Trần Thị Ng. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết là Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

[4]. Về quan hệ tình cảm: Anh Phan Đình Đ và chị Trần Thị Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12/2019, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tiến hành tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương nhưng anh Đ và chị Ng không đến UBND xã để tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Cưới xong chị Ng về nhà anh Đ làm dâu, anh chị chung sống tại gia đình anh Đ ở khu phố L, phường Đ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đến tháng 4/2020 thì không chung sống với nhau nữa, nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không hoà hợp nên anh Đ và chị Ng đã chấm dứt quan hệ, không quay lại với nhau. Vì vậy anh Đ có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mê Linh tuyên bố anh và chị Nga không phải là vợ chồng.

Qua xác minh tại UBND xã T huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội: Tại sở Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân năm 2019 của UBND xã T, tại trang số 67 thể hiện: ngày 25/5/2019, chị Trần Thị Ng có đến UBND xã T để làm tờ khai xin cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; mục đích: để đăng ký kết hôn với anh Phan Đình Đ, sinh năm 1991. Địa chỉ: phường Đ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Việc chị Nga có thực hiện đăng ký kết hôn với anh Đ hay không thì UBND xã T không có thông tin.

Về phía anh Phan Đình Đ cung cấp cho Tòa án Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND phường Đồng Nguyên cấp ngày 21/6/2024. Tình trạng hôn nhân: chưa đăng ký kết hôn với ai lần nào.

Hội đồng xét xử nhận thấy Anh Phan Đình Đ, sinh ngày 16/7/1991 và chị Trần Thị Ng, sinh ngày 07/6/1993. Theo các đương sự trình bày, cả hai tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12/2019, đã được hai bên

gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Xét về độ tuổi thì anh Đ đã trên 20 tuổi và chị Ng trên 18 tuổi, đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nhưng anh Đ và chị Ng không đăng ký kết hôn nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy, anh Đ đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Ng là có đủ căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về con chung: anh Đ và chị Ng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức; công nợ: anh Đ và chị Ng xác định không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phan Đình Đ phải chịu theo quy định của pháp luật. Ngoài ra các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc thu nộp án phí.

Xử. Chấp nhận đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của anh Phan Đình Đ đối với chị Trần Thị Ng.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Đình Đ và chị Trần Thị Ng.

2. Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: anh Đ và chị Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Phan Đình Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm. Xác nhận anh Đ đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008749 ngày 05/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh. Anh Đ không phải nộp bổ sung.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 này kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân

- VKSND huyện Mê Linh
- Chi cục THADS huyện Mê Linh
- Các đương sự, PGĐKT
- UBND xã, phường
- Lưu HS, VP..

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Màu Thị Hải Vân